TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 02/2022/DS - ST
Ngày 28 tháng 3 năm 2022
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Đỗ Hồng Phúc.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Tưởng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLST - DS ngày 21 tháng 10 năm 2021, về việc: "Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố khu 1 T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ dân phố khu 5 Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các bên đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 8 năm 2021, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và anh Nguyễn Văn S có quan hệ họ hàng thân thích với nhau, cuối tháng 8 năm 2019, anh S có hỏi vay tiền của ông. Ông đồng ý, ngày 30/8/2019, ông đã trực tiếp cho anh S vay số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng (từ ngày 30/8/2019 đến ngày 30/5/2020 phải trả hết nợ). Anh S là nhận tiền mặt và viết Giấy biên nhận vay tiền để lại cho ông, mặc dù ông và anh S không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay tiền nhưng hai bên đã thỏa

thuận lãi suất bằng miệng với nhau là 1%/tháng. Ông khẳng định, số tiền ông cho anh S vay là khoản tiền riêng của ông không phải là tiền chung của ông với vợ là bà Phạm Thị Loan. Số tiền anh S vay nợ ông ở trên cũng là khoản nợ riêng của anh S vay không liên quan gì đến vợ anh S là chị Dương Thị H.

Đến hạn trả nợ, anh S không trả nợ cho ông tiền gốc và tiền lãi như đã thỏa thuận, nhiều lần ông đến nhà yêu cầu anh S phải trả nợ tiền cho ông nhưng anh S không trả nên ông khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Văn S phải trả nợ cho ông cụ thể:

- Tại đơn khởi kiện, ông T yêu cầu anh S phải trả nợ cho ông T toàn bộ số tiền nợ gốc là 30.000.000đ và 7.100.000đ tiền lãi tính từ ngày vay 30/8/2019 đến ngày 10/8/2021 với mức lãi suất 1%/tháng.

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông T xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh S phải trả nợ cho ông T ngay số tiền gốc là 30.000.000đ, ông T tự nguyện không tính lãi suất.

Ông T không thừa nhận, số tiền ông T cho anh S vay là tiền mua chịu số lô, số đề như lời anh S trình bày tại Tòa án.

Bị đơn, anh Nguyễn Văn S trình bày:

Anh S thừa nhận, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, anh còn nợ ông T số tiền gốc 30.000.000đ như lời trình bày của ông T ở trên là đúng. Anh S không thừa nhận, số tiền anh vay của ông T ở trên là tiền mặt ông T trực tiếp giao cho anh, số tiền trên thực chất là tiền anh mua chịu số lô, số đề của ông T từ năm 2017. Ngày 30/8/2019, ông T đến nhà anh đòi nợ, do hoàn cảnh của anh khó khăn không có tiền để trả nợ cho ông T nên ông T đã đọc nội dung vay tiền để anh viết vào Giấy biên nhận vay tiền. Do thời gian lâu anh không còn nhớ rõ cụ thể số tiền anh mua chịu số lô, số đề của ông T diễn ra như nào. Bản thân anh cũng không có tài liệu gì để chứng minh việc anh mua chịu số lô, số đề của ông T. Nay ông T yêu cầu anh trả nợ cho ông T 30.000.000đ tiền nợ gốc và tự nguyện không tính lãi suất. Anh đồng ý, tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh kinh tế của anh đang rất khó khăn, anh không thể có đủ số tiền trên để trả nợ ngay một lần cho ông T, vì vậy anh xin được trả dần số tiền nợ trên cho ông T mỗi năm 1.000.000đ cho đến khi trả hết nợ.

Anh xác định, số tiền nợ trên là khoản nợ riêng của anh với ông T không liên quan gì đến vợ anh là chị Dương Thị H.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác đều chấp hành đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự ; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Buộc anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tiền nợ gốc, không có lãi suất.

Kể từ khi bản án cho hiệu lực pháp luật, ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh S không trả được nợ cho ông T thì anh S còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Anh S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn S trả số tiền nợ gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) theo giấy biên nhận vay tiền lập ngày 30/8/2019, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 30/8/2019 đến ngày 30/5/2020. Do vậy cần xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Hiện tại anh S đang cư trú tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại đơn khởi kiện, ông T yêu cầu anh S phải trả nợ cho ông T toàn bộ số tiền nợ gốc là 30.000.000đ và 7.100.000đ tiền lãi tính từ ngày vay 30/8/2019 đến ngày 10/8/2021 với mức lãi suất 1%/tháng. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông T xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh S phải trả nợ cho ông T ngay số tiền gốc là 30.000.000đ, ông T tự nguyện không tính lãi suất. Xét thấy nội dung xin thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận sự thay đổi trên để xem xét.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Ông T là nguyên đơn yêu cầu bị đơn là anh S phải trả nợ cho ông T số tiền gốc đã vay là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh S thừa nhận, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, anh S đang còn nợ ông T số tiền

30.000.000đ như lời trình bày của ông T ở trên là đúng, anh S đồng ý trả cho ông T toàn bộ số tiền nợ trên. Anh S cho rằng, số tiền anh đang nợ ông T là tiền anh mua chịu số lô, số đề của ông T từ năm 2017 nhưng anh không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh số tiền nợ trên của anh với ông T là tiền mua chịu số lô, số đề; bản thân ông T không thừa nhận việc này. Căn cứ vào Giấy biên nhận biên nhận vay tiền lập ngày 30/8/2019; căn cứ vào lời khai của ông T và anh S trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử khẳng định, có việc ông T cho anh S vay tiền là thật. Hiện tại, số tiền nợ của ông T anh S chưa trả nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh S phải trả cho ông T số tiền 30.000.000đ nợ gốc là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự. Bản thân anh S cũng đồng ý trả nợ cho ông T toàn bộ số tiền nợ trên nên cần buộc anh S phải trả nợ cho ông T 30.000.000đ tiền nợ gốc.

Kể từ khi bản án cho hiệu lực pháp luật, ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh S không trả được nợ cho ông T thì anh S còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Về lãi suất: Ông T không yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ của anh S, xét thấy việc không yêu cầu lãi suất của ông T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là anh Nguyễn Văn S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật

Vì vậy, quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Buộc anh Nguyễn Văn S phải trả nợ cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền nợ gốc là

30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), ghi nhận việc ông T không tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc trên của anh S.

Kể từ khi bản án cho hiệu lực pháp luật, ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh S không trả được nợ cho ông T thì anh S còn phải trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 927.000đ (Chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số: 0001035 ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

Các đương sự có mặt, có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Hạnh